

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HSST
Ngày: 28/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Chiến Thành

Bà Trần Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2023/TLST- HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Th T, sinh ngày 16/3/1986

Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Du; bị cáo có vợ là Ngô Thị Tr (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tiền Hải. Được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

+ *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Mai D, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Trần Thị Th, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình.

+ *Người làm chứng:*

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

- Bà Tô Thị Th, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

- Bà Tô Thị Ng, sinh năm 1964 (Vắng mặt)
 Điều cư trú: Thôn T, xã L, huyện H, Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 24/7/2023, Vũ Th T đi bộ sang nhà bà Tô Thị Th ở cùng thôn chơi thì được bà Th nhờ điều khiển chiếc xe mô tô Honda Lead BKS: 17B8- 118.73 màu xanh vàng của con gái bà Th là chị Nguyễn Thị Mai D chở giúp chiếc máy bơm nước ra đồng tát nước. Sau khi chở và lắp máy bơm xong, T nói với bà Th phải về đi mua sữa cho con nên bà Th nhờ T về gặp chị D lấy 100.000 đồng đi mua thuốc diệt cỏ giúp bà Th. T đồng ý về gặp chị D lấy 100.000 đồng rồi điều khiển chiếc xe mô tô Honda Lead BKS: 17B8- 118.73 đi mua thuốc sâu cho bà Th. Sau khi mua được thuốc sâu, trên đường đi về T nảy sinh ý định cầm đồ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS: 17B8- 118.73 của chị D để lấy tiền tiêu xài cá nhân. T dừng xe kiểm tra thì thấy trong cốp có giấy tờ đăng ký xe nên điều khiển xe đến cửa hàng cầm đồ Xuân Bầy ở thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình. Tại đây, T gặp quản lý cửa hàng là chị Trần Thị Th nói là xe của vợ chồng T do cần tiền nên đề nghị chị Th cho cầm cố lấy số tiền 15.000.000 đồng. Chị Th đồng ý nhận cầm cố chiếc xe và đưa cho T số tiền 15.000.000 đồng. Nhận số tiền trên, T sử dụng để tiêu xài cá nhân sau đó bắt xe bỏ trốn vào xã L, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 31/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình kết luận: Chiếc xe mô tô Honda Lead BKS: 17B8- 118.73 đã qua sử dụng trị giá 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 100/CT-VKS ngày 16/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Th T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải đã truy tố đối với Bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Th T từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Mai D chiếc xe mô tô Honda Lead BKS: 17B8- 118.73.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị D nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Buộc bị cáo T phải trả lại cho chị Trần Thị Th số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng). Chuyển số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải ngày 28/9/2023 sang khoản phải thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên về bản luận tội.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng không khiếu nại hay có ý kiến gì. Nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy, tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo đối với chị Nguyễn Thị Mai D. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như:

- Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản làm việc do Công an xã L lập ngày 27/7/2023;

- Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là chị Nguyễn Thị Mai D;

- Bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 31/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;

- Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị S, bà Tô Thị Th và bà Tô Thị Ng;

- Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Th.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 24/7/2023 sau khi được chị Nguyễn Thị Mai D tin tưởng giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS: 17B8- 118.73 để nhờ bị cáo đi mua thuốc sâu hộ, bị cáo Vũ Th T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe

trên của chị D nên đã mang đến hiệu cầm đồ Xuân Bầy ở thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thái Bình cầm cố lấy số tiền 15.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Vũ Th T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động đến gia đình nộp lại số tiền 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại các điểm s, điểm b, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng lòng tin của bị hại để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn vào xã L, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, hành vi của bị cáo cần thiết phải xử phạt bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần mức hình phạt tù cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị Mai D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo cầm đồ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS: 17B8- 118.73 cho chị Trần Thị Th để lấy số tiền 15.000.000đồng, chị Th không biết chiếc xe trên là do bị cáo phạm tội mà có. Trong quá trình điều tra chị Th có yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị Th số tiền 15.000.000đồng. Do đó, cần buộc bị cáo phải trả lại cho chị Trần Thị Th số tiền 15.000.000đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 15.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Hải ngày 28/9/2023 sang khoản phải thi hành án cho bị cáo đối với chị Trần Thị Th.

[7]. Về các vấn đề khác của vụ án: Trong vụ án này có chị Trần Thị Th là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS: 17B8- 118.73, quá trình điều tra xác định chị Th không biết chiếc xe trên là tài sản T do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị Th là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Bị cáo Vũ Th T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Th T phạm tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Th T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/8/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Th T phải trả lại cho chị Trần Thị Th số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng). Chuyển số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002138 ngày 28/9/2023 sang khoản phải thi hành án của bị cáo đối với chị Trần Thị Th.

4. Về vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Mai D chiếc xe mô tô Honda Lead BKS: 17B8- 118.73.

5. Về án phí: Bị cáo Vũ Th T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2023).

Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Công an huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Thị Linh